

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP ĐÀ NẴNG
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **38** /2025/HNGĐ - ST
Ngày: 12-9-2025
V/v “Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hồng Quang

2. Bà Huỳnh Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Việt Công Hưng – Thư ký Tòa án của TAND khu vực 4 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2025/TLST - HNGD ngày tháng 16 tháng 7 năm 2025 về việc Ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2025/QĐXX-ST ngày 14/8/2025, quyết định hoãn số 29 ngày 04/9/2025 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy D; sinh năm:1987; Địa chỉ: K44/H21/8 Ngô Xuân Thu, tổ 31 phường H, (nay là phường H), thành phố Đà Nẵng. có mặt

- Bị đơn: Ông Trần Mạnh H; sinh năm: 1983; Địa chỉ: 834 Nguyễn Lương Bằng, phường H, (nay là phường H), thành phố Đà Nẵng. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện ngày 28/7/2025 và bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông H kết hôn vào năm 2019, có đăng ký tại UBND phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 114 ngày 31/12/2019. Sau khi kết hôn ông bà chung sống tại địa chỉ tổ 39,(nay là phường H), TP Đà Nẵng. Quá trình chung sống đến năm 2021 vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, thiếu sự tin tưởng về mặt tình cảm, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, ông H có những lời lẽ xúc phạm và có hành vi tác động vật lý đối với bà Dung, ông H thiếu sự sẻ chia trong mọi việc gia đình. Mâu thuẫn được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Bà D đã 04 lần về nhà mẹ đẻ sống và lần gần nhất là cách đây 01 tháng, hai bên sống ly thân không

quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống. Bà Dxác định không còn tình cảm với ông H đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

- **Về quan hệ con chung:** Bà Dxác định có 01 con chung là: Trần Xuân Phúc, sinh ngày 09/12/2020. Ly hôn nguyện vọng của bà Dlà được trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Xuân Pcho đến khi con đủ 18 tuổi. Hiện nay con đang ở với mẹ tại: K44/H21/8 Ngô Xuân Thu, tổ 31 phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu (nay là phường Hải Vân), TP Đà Nẵng. Bà yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về điều kiện nuôi con: Bà Dlà giáo viên trường Cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương 5; Trú sở: 28 Ngô Xuân Thu, phường Hải Vân, TP Đà Nẵng mức lương cơ bản: 9.000.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa, bà Dđề nghị thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/ tháng.

- **Về tài sản chung:** Bà Dxác định không có

- **Về nợ chung:** Bà Dxác định không có.

*** Bị đơn ông Trần Mạnh H trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Thời gian và điều kiện kết hôn ông H thống nhất như bà Dtrình bày, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp về văn hóa lối sống, thiếu chia sẻ với nhau trong cuộc sống dẫn đến xung đột xảy ra cãi vã thường xuyên. Mặc dù hai bên cố gắng hòa giải, trao đổi nhưng không có kết quả gì. Nay ông H xác định mâu thuẫn của vợ chồng vẫn có thể hàn gắn và vẫn còn tình cảm với bà Dnên không đồng ý ly hôn với bà Dung.

- **Về quan hệ con chung:** Ông H xác định có 01 con chung là: Trần Xuân Psinh ngày 09/12/2020. Ly hôn nguyện vọng của ông H được trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Xuân Pcho đến khi con đủ 18 tuổi. Không yêu cầu bà Dcấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện nuôi con: Ông H là giáo viên trường Cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương 5; Trú sở: 28 Ngô Xuân Thu, phường Hải Vân, TP Đà Nẵng, mức lương cơ bản: 12.000.000 đồng/tháng

- **Về tài sản chung:** Ông H xác định không có

- **Về nợ chung:** Ông H xác định không có.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng phát biểu về sự tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự. Theo đó: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật từ khâu thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ và mở phiên tòa xét xử. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng.

Về nội dung: đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Trần Mạnh H

Về con chung: Giao con Trần Xuân Psinh ngày 09/12/2020 cho bà Nguyễn Thị Thùy D được trực tiếp nuôi dưỡng con cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: hai bên xác định không có nên không đề cập giải quyết

Về nợ chung: Hai bên xác định không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” giữa bà Dung, ông H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 5 Nghị quyết số 01 ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao "Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân".

Bị đơn ông Trần Mạnh H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Hồ.

Về nội dung vụ án:

[3] Bà Dung, ông H kết hôn vào năm 2019, có đăng ký tại UBND phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 114 ngày 31/12/2019, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân theo bà Ddo bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, thiếu sự tin tưởng về mặt tình cảm, không có tiếng nói chung, ông H thiếu sự sẻ chia trong mọi việc gia đình nên cả hai thường xuyên xảy ra cãi vã. Ngoài ra, ông H có những lời lẽ xúc phạm và có hành vi tác động vật lý đối với bà Dlàm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà sơ thẩm hôm nay bà Dxác định không còn yêu thương ông H nên xin được ly hôn với ông H. Còn bị đơn ông H cho rằng mâu thuẫn chính do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp về văn hóa lối sống, thiếu chia sẻ với nhau trong cuộc sống dẫn đến xung đột xảy ra cãi vã thường xuyên. Nay về mặt tình cảm ông H xác định còn yêu thương bà Dnên xin đoàn tụ gia đình.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Dthì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau thế nhưng cả hai lại không làm được điều này. Giữa bà Dung, ông H từ khi kết hôn đến nay hai bên chung sống một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn, khi mâu thuẫn xảy ra ông bà đều không có giải pháp gì để hàn gắn và xây dựng lại gia đình. Hiện tại cả hai sống ly thân, mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai trong cuộc sống. Đối với ông H có nguyện vọng xin đoàn tụ gia đình nhưng không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn hạnh phúc và tại phiên tòa bà Dvẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Vì vậy HĐXX có đủ cơ sở nhận định mâu thuẫn vợ chồng bà Dung, ông H đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được

nên chấp nhận cho bà Được ly hôn ông H là hoàn toàn phù hợp với điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Bà Dung, ông H xác định có 01 con chung Trần Xuân Psinh ngày 09/12/2020

[6.1] Xét yêu cầu về việc trực tiếp nuôi con chung thì thấy: Quyền được yêu cầu trực tiếp nuôi con của cha và mẹ đều chính đáng, việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của con, đảm bảo được sự phát triển của con cả về thể chất lẫn tinh thần, từ khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, bà D là người trực tiếp nuôi con, bà D hiện tại là giáo viên, có chỗ ở và thu nhập ổn định. Ngoài ra cháu Phúc hiện tại còn nhỏ nên cần thiết sự chăm sóc của mẹ do đó Hội đồng xét xử thấy nên việc giao con cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo tính ổn định cuộc sống của con, phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6.2] Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa hôm nay, bà D yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi cháu Phúc đủ 18 tuổi. Ông H hiện nay là giáo viên có mức lương 11.275.345 đồng/ tháng. Xét mức cấp dưỡng bà D yêu cầu là phù hợp, đảm bảo quyền lợi cho con và các quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về tài sản chung: Hai bên xác định không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[8] Về nợ chung: Hai bên xác định không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[9] Đối với ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng thấy phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[10] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 3 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, bà D phải chịu theo quy định pháp luật.

Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: 300.000 đồng ông H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 5 Nghị quyết số 01 ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao "Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân".

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thùy D đối với ông Trần Mạnh H.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn với ông Trần Mạnh H (*Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đối với ông H nên giấy chứng nhận kết hôn số 114 ngày do UBND phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu (nay là phường Hải Vân), Đà Nẵng cấp ngày 31/12/2019 không còn giá trị pháp lý*)

2. Về con chung: Giao con Trần Xuân Psinh ngày 09/12/2020 cho bà Nguyễn Thị Thùy D được trực tiếp nuôi dưỡng con cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Thùy D phải chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai thu số 0000610 ngày 16 tháng 7 năm 2025 tại Thi hành án dân sự TP. Đà Nẵng

Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: 300.000 đồng ông Trần Mạnh H phải chịu.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết tại nơi thường trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND khu vực 4;
- Phòng THADS khu vực 4;
- UBND phường H, Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hạnh

